

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 26-7-2017

V/v: *Ly hôn, nuôi con khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Chinh.

2. Ông Nguyễn Tiến Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Nghĩa – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 73/2017/TLST-HNGĐ ngày 27/4/2017 về việc: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2017/QĐXX-ST ngày 10/7/2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị T; nơi đăng ký hộ khẩu: Xóm P, xã N, huyện T, tỉnh Nam Định; hiện ở: Xóm 19A, xã K, huyện T, tỉnh Nam Định; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Nam S; nơi đăng ký hộ khẩu và nơi ở: Xóm P, xã N, huyện T, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Vũ Thị T trình bày:

Chị và anh Trần Nam S tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, được UBND xã T, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02/5/2000. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do tính tình, lối sống không hòa hợp. Năm 2006, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, anh S có đánh đập chị và cầm dao đuổi chém chị. Sau khi chị đi làm ăn xa, được 2 năm thì anh S để con ở nhà cho bố mẹ chị nuôi. Từ đó đến nay anh S không quan tâm cũng không gửi tiền về nuôi dưỡng các con chung. Khi mâu thuẫn xảy ra, gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng vợ chồng vẫn không thể

chung sống hạnh phúc. Do cuộc sống vợ chồng căng thẳng nên chị và anh S đã sống ly thân nhau từ năm 2008 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn anh S.

Về việc nuôi con: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Quang K, sinh ngày 18/3/2001 và Trần Thị H, sinh ngày 05/01/2003. Hiện hai con chung đang ở cùng chị. Trong trường hợp ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi hai con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Nhưng cháu K có nguyện vọng ở với ai cũng được, nên nếu anh S muốn nuôi cháu K thì chị nhường anh S nuôi cháu K, chị nhận nuôi cháu H, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai cùng các lời khai tại Tòa án bị đơn anh Trần Nam S trình bày:

Việc vợ chồng tự nguyện tìm hiểu và kết hôn như chị T trình bày là đúng. Vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn xô xát, có lần anh có tát nhẹ và cầm cổ áo chị T, anh không cầm dao đuổi chém chị T như chị T trình bày. Khi chị T đi làm ăn không gửi tiền về cho anh và anh cũng đã đóng góp về kinh tế gia đình nhưng chị T không thừa nhận. Việc vợ chồng sống ly thân như chị T trình bày là đúng. Bản thân anh đã cố gắng để vợ chồng đoàn tụ, thời gian gần đây anh có gặp chị T để đề nghị chị T suy nghĩ lại để vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng chị T không nghe còn xúc phạm anh. Nay anh không nhất trí ly hôn chị T vì muốn các con có mái ấm gia đình đủ cả bố mẹ, nếu chị T cương quyết xin ly hôn thì tùy chị T anh không có giải pháp nào để vợ chồng đoàn tụ nữa.

Về việc nuôi con: Vợ chồng có 02 con chung như chị T trình bày. Trong trường hợp ly hôn, anh nhất trí với quan điểm của chị T, anh nhận trực tiếp nuôi con chung là cháu K, để chị T nuôi cháu H, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản: Anh không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Kết quả xác minh tại xã N thấy: Có việc kết hôn và chung sống vợ chồng tại xã N như các đương sự trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và

gia đình; Xử lý hôn giữa chị Vũ Thị T và anh Trần Nam S; Giao cho chị Vũ Thị T nuôi cháu H, anh S nuôi cháu K như thỏa thuận của các bên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa; Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị T và anh Trần Nam S là vợ chồng hợp pháp. Căn cứ vào lời trình bày của chị T và của anh S thì thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng có xô xát và sống ly thân trong nhiều năm. Xét cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, có bạo lực gia đình, nay chị T xin ly hôn anh S, anh S không nhất trí nhưng không đưa ra được giải pháp đoàn tụ. Vì vậy, có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh S, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về việc nuôi con: Chị Vũ Thị T và anh Trần Nam S có 02 con chung là Trần Quang K, sinh ngày 18/3/2001 và Trần Thị H, sinh ngày 05/01/2003. Xét điều kiện nuôi con chung, ý kiến của con chung, trên cơ sở nguyện vọng của các đương sự; Hội đồng xét xử giao cháu K cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, phù hợp với các điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét điều chỉnh.

[5] Về án phí: Chị Vũ Thị T là nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 kèm theo Danh mục án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Cho ly hôn giữa chị Vũ Thị T và anh Trần Nam S.
2. Về việc nuôi con: Giao cho chị Vũ Thị T tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Trần Thị H, sinh ngày 05/01/2003; giao anh Trần Nam S trực tiếp nuôi cháu Trần Quang K, sinh ngày 18/3/2001; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và cùng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.
3. Về án phí: Chị Vũ Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ

vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số 09326 ngày 27/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường; Chị Vũ Thị T đã nộp đủ án phí ly hôn.

Chị Vũ Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Trần Nam S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh: 01 bản;
- VKSND Tỉnh + Huyện: 02 bản;
- Chi cục THADS Huyện: 01 bản;
- UBND xã N: 01 bản;
- Các đương sự 02 bản;
- Lưu hồ sơ: 02 bản;
- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Duyên